

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THCS CẤP TỈNH
TỈNH PHÚ YÊN NĂM HỌC 2020 – 2021

Môn: ĐỊA LÍ

Ngày thi: 30/3/2021

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1 (5,0 điểm)

- a) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí. (3,0 điểm)
b) Khí hậu đại dương và khí hậu lục địa khác nhau như thế nào? (2,0 điểm)

Câu 2 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy chứng minh rằng khí hậu nước ta có tính chất đa dạng. Nhân tố chủ yếu nào làm cho khí hậu nước ta đa dạng?

Câu 3 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm địa hình của vùng núi Tây Bắc. Đặc điểm địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của vùng?

Câu 4 (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ VIỆT NAM PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng số	Chia ra	
		Thành thị	Nông thôn
1979	52 462	10 094	42 368
1989	64 412	12 919	51 493
1999	76 597	18 082	58 515
2009	86 025	25 585	60 440
2019	96 483	33 817	62 666

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu dân số Việt Nam phân theo thành thị và nông thôn thời gian trên. (1,5 điểm)
b) Nhận xét và giải thích cơ cấu dân số Việt Nam phân theo thành thị và nông thôn thời gian trên. (1,5 điểm)

Câu 5 (3,0 điểm)

Việc phát triển các dịch vụ điện thoại và Internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế - xã hội nước ta?

Câu 6 (3,0 điểm)

Phân tích những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ.

-----HẾT-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam từ năm 2009 đến nay.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh: ... Võ ... Quốc ... Khải ... Số báo danh: DT: 7.70...131.....

Chữ kí CBCT 1: Chữ kí CBCT 2: